




- Câu 14:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, tập hợp nhiều từ kết thúc bởi một trong các dấu chấm câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than) gọi là:
- A. Câu. B. Đoạn. C. Dòng. D. Trang.
- Câu 15:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, phím **Enter** chỉ dùng khi kết thúc một:
- A. Dòng. B. Đoạn. C. Trang. D. Từ.
- Câu 16:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, thành phần cơ sở trong văn bản là các:
- A. Ký tự. B. Câu. C. Từ. D. Đoạn.
- Câu 17:** Để lưu tài liệu trong phần mềm soạn thảo văn bản Word, ta thực hiện menu lệnh:
- A. File → Save. B. View → Save.
C. Insert → Save As. D. Edit → Save.
- Câu 18:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, phím tắt chỉ số dưới:
- A. Ctrl+Shift + =. B. Ctrl + =. C. Ctrl+Shift. D. Ctrl + Shift + Alt.
- Câu 19:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, phím tắt chỉ số trên:
- A. Ctrl+Shift + =. B. Ctrl + =. C. Ctrl+Shift. D. Ctrl + Shift + Alt.
- Câu 20:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, tổ hợp phím Ctrl + E có chức năng:
- A. Căn lề trái. B. Căn giữa. C. Căn lề phải. D. Căn đều hai bên.
- Câu 21:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để căn lề trái cho đoạn văn bản ta nhấn tổ hợp phím:
- A. Ctrl + R. B. Ctrl + J. C. Ctrl + E. D. Ctrl + L.
- Câu 22:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để căn đều hai bên cho đoạn văn bản ta nhấn tổ hợp phím:
- A. Ctrl + R. B. Ctrl + J. C. Ctrl + L. D. Ctrl + E.
- Câu 23:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để tạo bảng, ta thực hiện lệnh:
- A. Table→ Insert → Table. B. Insert→Table.
C. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + T. D. Table → Table.
- Câu 24:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, thay đổi hướng văn bản trong ô thực hiện lệnh:
- A. Insert →Text Direction. B. Format →Text Direction.
C. Table→Text Direction. D. File →Text Direction.
- Câu 25:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để tạo chữ cái lớn đầu đoạn văn ta thực hiện lệnh:
- A. Insert→Drop Cap. B. Format→Drop Cap.
C. Format→Characters →Drop Cap. D. Tools→Drop Cap.
- Câu 26:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, kẻ khung cho văn bản bằng cách thực hiện lệnh:
- A. Format → Borders and Shading→ Borders. B. Edit → Borders and Shading→ Borders.
C. Table → Borders and Shading→ Borders. D. Tools → Borders and Shading→ Borders.
- Câu 27:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, tạo nền cho văn bản bằng cách thực hiện lệnh:
- A. Format → Borders and Shading→Shading.
B. Edit → Borders and Shading→ Shading.
C. Table → Borders and Shading→ Shading.
D. Tools → Borders and Shading→ Shading.
- Câu 28:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để đánh số trang văn bản ta thực hiện:
- A. Chọn View→ Page Numbers. B. Chọn File→ Page Numbers.
C. Chọn Format→ Page Numbers. D. Chọn Insert→ Page Numbers.
- Câu 29:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để chèn kí tự đặc biệt vào văn bản ta thực hiện:
- A. Chọn View→ Symbol... B. Chọn File→ Symbol...
C. Chọn Format→ Symbol... D. Chọn Insert→ Symbol...
- Câu 30:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để chèn hình ảnh từ đĩa cứng vào văn bản ta thực hiện:
- A. Chọn Insert→ Picture→ From File... B. Chọn File→ Picture→ From File...
C. Chọn Format→ Picture→ From File... D. Chọn View→ Picture→ From File...
- Câu 31:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để chèn chữ nghệ thuật vào văn bản ta thực hiện:
- A. Chọn Format → Picture→ WordArt... B. Chọn File→ Picture→ WordArt...

- C. Chọn Insert→Picture→WordArt... D. Chọn View→Picture→WordArt...
- Câu 32:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để sử dụng tính năng tìm kiếm ta thực hiện lệnh:
 A. Insert→Find... B. Edit → Find...
 C. Format→Find... D. Tools→Find...
- Câu 33:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để in văn bản ta thực hiện lệnh:
 A. Insert→Print... B. Edit → Print...
 C. File→Print... D. Tools→Print...
- Câu 34:** Ở phần mềm bảng tính Excel, định dạng ô trên trang tính ta có thể sử dụng thành:
 A. Công cụ chuẩn. B. Trượt dọc. C. Công cụ định dạng. D. Công thức.
- Câu 35:** Thoát khỏi phần mềm bảng tính Excel ta chọn lệnh:
 A. File → Exit B. File → Close. C. File → Open. D. Edit → Exit.
- Câu 36:** Ở phần mềm bảng tính Excel, mỗi trang tính có bao nhiêu dòng?
 A. 65536. B. 63356. C. 63336. D. 63536.
- Câu 37:** Ở phần mềm bảng tính Excel, để chèn cột vào trang tính ta thực hiện lệnh:
 A. Insert → Cells. B. Insert → Columns.
 C. Insert → Rows. D. Format → Columns.
- Câu 38:** Ở phần mềm bảng tính Excel, để chèn dòng vào trang tính ta thực hiện lệnh:
 A. Insert → Cells. B. Insert → Columns.
 C. Insert → Rows. D. Edit→Columns.
- Câu 39:** Ở phần mềm bảng tính Excel, để nhập công thức vào một ô, trước hết ta gõ dấu:
 A. /. B. >. C. =. D. %.
- Câu 40:** Ở phần mềm bảng tính Excel, cách viết địa chỉ tương đối:
 A. <tên cột><tên hàng>. B. <\$tên cột><tên hàng>.
 C. <tên cột><\$tên hàng>. D. <\$tên cột><\$tên hàng>.
- Câu 41:** Ở phần mềm bảng tính Excel, cách viết địa chỉ tuyệt đối:
 A. <tên cột><tên hàng>. B. <\$tên cột><tên hàng>.
 C. <tên cột><\$tên hàng>. D. <\$tên cột><\$tên hàng>.
- Câu 42:** Ở phần mềm bảng tính Excel, hàm nào sau đây dùng làm tròn số:
 A. INT. B. MOD. C. SQRT. D. ROUND.
- Câu 43:** Ở phần mềm bảng tính Excel, hàm nào sau đây dùng tính tổng:
 A. MAX. B. SUM. C. MIN. D. RANK.
- Câu 44:** Ở phần mềm bảng tính Excel, hàm nào sau đây dùng để lấy kí tự bên trái:
 A. RIGHT. B. MID. C. LEFT. D. VALUE.
- Câu 45:** Ở phần mềm bảng tính Excel, hàm nào sau đây dùng để tính tổng có điều kiện:
 A. SUM. B. COUNTIF. C. IF. D. SUMIF.
- Câu 46:** Ở phần mềm bảng tính Excel, hàm nào sau đây dùng để đếm có điều kiện:
 A. SUM. B. COUNTIF. C. IF. D. SUMIF.
- Câu 47:** Ở phần mềm bảng tính Excel, hàm nào sau đây dùng để dò tìm theo chiều dọc:
 A. VLOOKUP. B. COUNTIF. C. HLOOKUP. D. SUMIF.
- Câu 48:** Ở phần mềm bảng tính Excel, để sắp xếp dữ liệu ta thực hiện:
 A. Chọn Data→Sort. B. Chọn Data→Filter.
 C. Chọn Tools→Sort. D. Chọn Tools→Filter.
- Câu 49:** Ở phần mềm bảng tính Excel, để lọc dữ liệu thực hiện lệnh:
 A. Data → Sort. B. Data → Filter.
 C. Data → Group. D. Tool → Filter.
- Câu 50:** Dưới góc độ địa lí, có những loại mạng:
 A. Mạng cục bộ, mạng diện rộng. B. Mạng diện rộng, internet.
 C. Internet, mạng cục bộ. D. Mạng cục bộ, mạng diện rộng, internet.

II/ PHẦN THÔNG HIỂU:

- Câu 51:** Trong hệ điều hành Windows, tên tập tin có tối đa bao nhiêu kí tự:
A. 16. B. 32. C. 64. D. 255.
- Câu 52:** Chức năng nào sau đây không phải là chức năng của máy tính điện tử:
A. Nhập thông tin. B. Xử lý thông tin.
C. Lưu trữ thông tin vào các bộ nhớ ngoài. D. Nhận biết mọi thông tin.
- Câu 53:** Trong phần mềm soạn thảo văn bản Word, để mở một tập tin đã có trên đĩa, ta dùng nút lệnh:
A. New. B. Open. C. Save. D. Copy.
- Câu 54:** Trong phần mềm soạn thảo văn bản Word, nhấn phím F và phím số 6 thì trên màn hình xuất hiện kí tự:
A. F6. B. F. C. 6. D. F^.
- Câu 55:** Trong phần mềm soạn thảo văn bản Word, để thay đổi cỡ chữ của một nhóm kí tự đã chọn, ta thực hiện lệnh Format→Font... và chọn cỡ chữ trong mục:
A. Font Style. B. Font. C. Small Caps. D. Size.
- Câu 56:** Trong phần mềm soạn thảo văn bản Word, để thay đổi kiểu chữ của một nhóm kí tự đã chọn, ta thực hiện lệnh Format→Font... và chọn kiểu chữ trong mục:
A. Font Style. B. Font. C. Small Caps. D. Size.
- Câu 57:** Chọn câu phát biểu nào đúng nhất trong phần mềm bảng tính Excel:
A. Cột được chèn vào bên trái cột hiện hành.
B. Hàng được chèn vào bên dưới hàng hiện hành.
C. Không có chế độ chèn thêm cột vào trang bảng tính.
D. Không có chế độ chèn thêm hàng vào trang bảng tính.
- Câu 58:** Ở phần mềm bảng tính Excel, địa chỉ ô "\$D\$62" là:
A. Địa chỉ tuyệt đối. B. Địa chỉ tương đối.
C. Địa chỉ hỗn hợp. D. Địa chỉ đã bị viết sai.
- Câu 59:** Ở phần mềm bảng tính Excel, địa chỉ ô "\$D\$6\$2" là:
A. Địa chỉ tuyệt đối. B. Địa chỉ tương đối.
C. Địa chỉ hỗn hợp. D. Địa chỉ đã bị viết sai.
- Câu 60:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức tính trung bình cộng của 3 ô A1;A2;A3, không tính dữ liệu chuỗi hay rỗng:
A. =A1+A2+A3. B. =SUM(A1:A3).
C. =AVERAGE(A1:A3). D. =MAX(A1:A3).
- Câu 61:** Ở phần mềm bảng tính Excel, cú pháp hàm IF:
A. IF(phép so sánh;giá trị khi đúng;giá trị khi sai).
B. IF(phép so sánh;giá trị khi sai;giá trị khi đúng).
C. IF(giá trị khi đúng; phép so sánh;giá trị khi sai).
D. IF(giá trị khi sai;phép so sánh;giá trị khi đúng).
- Câu 62:** Ở phần mềm bảng tính Excel, cú pháp hàm SUMIF:
A. SUMIF(cột so sánh;tiêu chuẩn;cột lấy tổng).
B. SUMIF(tiêu chuẩn;cột so sánh;cột lấy tổng).
C. SUMIF(cột so sánh;cột lấy tổng;tiêu chuẩn).
D. SUMIF(cột lấy tổng;cột so sánh;tiêu chuẩn).
- Câu 63:** Ở phần mềm bảng tính Excel, cú pháp hàm COUNTIF:
A. COUNTIF(cột so sánh;tiêu chuẩn;cột lấy tổng).
B. COUNTIF(tiêu chuẩn;cột so sánh;cột lấy tổng).
C. COUNTIF(vùng điều kiện;điều kiện).
D. COUNTIF(điều kiện;vùng điều kiện).
- Câu 64:** Ở phần mềm bảng tính Excel, cú pháp hàm VLOOKUP:
A. VLOOKUP(giá trị dò tìm;bảng dò tìm;kiểu dò tìm;cột cần lấy).
B. VLOOKUP(giá trị dò tìm;bảng dò tìm;cột cần lấy;kiểu dò tìm).

- C. VLOOKUP(bảng dò tìm; giá trị dò tìm; kiểu dò tìm; cột cần lấy).
 D. VLOOKUP(giá trị dò tìm; kiểu dò tìm; bảng dò tìm; cột cần lấy).
- Câu 65:** Ở phần mềm bảng tính Excel, cú pháp hàm HLOOKUP:
 A. HLOOKUP(giá trị dò tìm; bảng dò tìm; kiểu dò tìm; dòng cần lấy).
 B. HLOOKUP(giá trị dò tìm; bảng dò tìm; cột cần lấy; kiểu dò tìm).
 C. HLOOKUP(bảng dò tìm; giá trị dò tìm; kiểu dò tìm; dòng cần lấy).
 D. HLOOKUP(giá trị dò tìm; bảng dò tìm; dòng cần lấy; kiểu dò tìm).
- Câu 66:** Ở phần mềm bảng tính Excel, thông báo lỗi # NAME ? có nghĩa là:
 A. Không có gì để tính. B. Giá trị không đúng kiểu.
 C. Trị số không hợp lệ. D. Sai tên hàm.
- Câu 67:** Ở phần mềm bảng tính Excel, thông báo lỗi # NULL! có nghĩa là:
 A. Không có gì để tính. B. Lỗi dữ liệu rỗng.
 C. Trị số không hợp lệ. D. Lỗi dữ liệu.
- Câu 68:** Ở phần mềm bảng tính Excel, thông báo lỗi # VALUE có nghĩa là:
 A. Không có gì để tính. B. Chia một số cho số 0.
 C. Trị số không hợp lệ. D. Sai tên hàm.
- Câu 69:** Ở phần mềm bảng tính Excel, nếu trong một ô tính có kí hiệu #####, điều đó có nghĩa là:
 A. Công thức nhập sai. B. Độ cao của ô tính đó quá thấp.
 C. Độ rộng của ô tính đó quá hẹp. D. Kiểu dữ liệu sai.
- Câu 70:** Ở phần mềm bảng tính Excel, nút lệnh  tương ứng với lệnh:
 A. AutoSum. B. Sort Descending. C. Chart Wizard. D. Sort Ascending.
- Câu 71:** Ở phần mềm bảng tính Excel, nút lệnh  tương ứng với lệnh:
 A. AutoSum. B. Sort Descending. C. Chart Wizard. D. Sort Ascending.
- Câu 72:** Ở phần mềm bảng tính Excel, biểu tượng Chart Wizard  có tác dụng:
 A. Đề tạo một biểu đồ. B. Sắp xếp biểu đồ.
 C. Xóa biểu đồ. D. Lọc biểu đồ.

III/ PHẦN VẬN DỤNG:

- Câu 73:** 2^5 byte tương đương với:
 A. 256 bit. B. 128 bit. C. 512 bit. D. 1024 bit.
- Câu 74:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để định dạng cụm từ “Ninh Thuận” thành “Ninh Thuận”, sau khi chọn cụm từ đó ta dùng tổ hợp phím:
 A. Ctrl + I. B. Ctrl + U. C. Ctrl + B. D. Ctrl + E.
- Câu 75:** Ở phần mềm soạn thảo văn bản Word, để định dạng cụm từ “Ninh Thuận” thành “Ninh Thuận”, sau khi chọn cụm từ đó ta dùng tổ hợp phím:
 A. Ctrl + I, Ctrl + U. B. Ctrl + B, Ctrl + U.
 C. Ctrl + B, Ctrl + E, Ctrl + I. D. Ctrl + B, Ctrl + I, Ctrl + U.
- Câu 76:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức ở ô A1 là =A1+\$C\$4. Khi sao chép sang ô D4 thì công thức sẽ là:
 A. =A\$1+\$C\$4. B. =D4+\$C\$4. C. =\$D1+\$C\$4. D. =D1+\$C\$4.
- Câu 77:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =ABS(-15) cho kết quả là:
 A. 10. B. 15. C. 20. D. 25.
- Câu 78:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =SQRT(16) cho kết quả là:
 A. -4. B. 2. C. 4. D. 16.
- Câu 79:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =MOD(13;5) cho kết quả là:
 A. 2. B. 3. C. 5. D. 13.
- Câu 80:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =ROUND(1234,5678;1) cho kết quả là:
 A. 1234. B. 1234,5. C. 1234,5678. D. 1234,6.
- Câu 81:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =ROUND(1234,5678;0) cho kết quả là:
 A. 1235. B. 1234,5. C. 1234,5678. D. 1234,6.

- Câu 82:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =AVERAGE(5+10;10-15) cho kết quả là:
 A. 20. B. 15. C. 10. D. 5.
- Câu 83:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =SUM(5-10;20/10) cho kết quả là:
 A. -5. B. -3. C. 3. D. 5.
- Câu 84:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =SUM(5;10; AVERAGE(5;15)) cho kết quả là:
 A. 35. B. 25. C. 10. D. 5.
- Câu 85:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =AVERAGE(5;15;SUM(5;20)) cho kết quả là:
 A. 35. B. 25. C. 20. D. 15.
- Câu 86:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =SUM(20;25;30)-MIN(30;34;50)-AVERAGE(10;20;30) cho kết quả là:
 A. 10. B. 15. C. 20. D. 25.
- Câu 87:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =MAX(-1;-2;-3;-4) cho kết quả là:
 A. -1. B. -2. C. -3. D. -4.
- Câu 88:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =LEFT(RIGHT("ABCDEF";3);1) cho kết quả là:
 A. A. B. D. C. ABC. D. DEF.
- Câu 89:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =LEFT("ABCDEF";3)&RIGHT("ABCDEF";3) cho kết quả là:
 A. ABC. B. DEF. C. ABCDEF. D. FEDCBA.
- Câu 90:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =LEFT("ABCDEF") cho kết quả là:
 A. A. B. CD. C. F. D. Sai cú pháp.
- Câu 91:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =RIGHT(LEFT("ABCDEF";3);1) cho kết quả là:
 A. C. B. A. C. ABC. D. DEF.
- Câu 92:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =VALUE(RIGHT(LEFT(123456;3);1))&123 cho kết quả là:
 A. 3123. B. 3213. C. 123456. D. 654321.
- Câu 93:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =ROUND(SUM(1;4;4)+ROUND(15,35;1);0) cho kết quả là:
 A. 9. B. 15. C. 24 D. 25.
- Câu 94:** Ở phần mềm bảng tính Excel, kết quả của công thức =SUM(1;4;6) + ROUND(15,32;0) là:
 A. 26. B. 26,3. C. 26,32. D. 27.
- Câu 95:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =MAX(5;10; SUM(5;20)) cho kết quả là:
 A. 5. B. 10. C. 15. D. 25.
- Câu 96:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =MIN(5;10; SUM(5;20)) cho kết quả là:
 A. 25. B. 15. C. 10. D. 5.
- Câu 97:** Ở phần mềm bảng tính Excel, cho địa chỉ ô A1, A2, A3, A4 lần lượt là: 1, abc, ô trống, 2. Công thức COUNTA(A1:A4) cho kết quả:
 A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.
- Câu 98:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =INT(MAX(2;5;5) - MIN(2;4;6) + SQRT(100))/2 cho kết quả là:
 A. 7. B. 6,5. C. 6. D. 5.
- Câu 99:** Ở phần mềm bảng tính Excel, công thức =ROUND(MAX(2;5;5)-MIN(2;4;6) + SQRT(100)/3;1) cho kết quả là:
 A. 6. B. 6,1. C. 6,2. D. 6,3.
- Câu 100:** Ở phần mềm bảng tính Excel, giả sử ô địa chỉ A1 có giá trị là 10, công thức =IF(A1<10;"YES";"NO") cho kết quả là:
 A. YES. B. NO. C. 10. D. A1.

B/ THỰC HÀNH:**BÀI 1:** Tạo bảng tính theo mẫu sau:**BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC QUỐC GIA TPHCM
NĂM HỌC 2016-2017**

HỌ VÀ TÊN	MÔN THI			TRUNG BÌNH	KHU VỰC	ĐIỂM KHU VỰC	HỌC BỔNG
	TOÁN	ANH VĂN	CHUYÊN NGÀNH				
Vương Hoàng Long	9,5	9,0	9,0		I		
Nguyễn Hoàng Đạo	7,0	7,0	7,0		II		
Trần Thị Anh Vân	8,0	6,0	8,0		III		
Lê Đức Nhân	8,0	8,0	7,0		II		
Phạm Hồng Huyền	9,0	5,0	7,0		I		
Vương Huyền Trân	10,0	9,0	9,0		II		
Tống Thị Bình	9,0	8,0	7,0		II		
Lữ Trúc Quỳnh	3,0	4,0	8,0		II		
Vũ Như Cần	5,0	3,0	3,0		III		
CAO NHẤT							
THẤP NHẤT							

BẢNG ĐIỂM KHU VỰC:**BẢNG THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG:**

Khu vực	I	II	III
Điểm khu vực	0	0,5	1

Xếp loại	Giỏi	Khá	T.Bình	Yếu
Số lượng				
Tỷ lệ				

Yêu cầu tính toán:

1/ **TRUNG BÌNH**: là trung bình cộng các môn theo hệ số sau: TOÁN, ANH VĂN hệ số 1; CHUYÊN NGÀNH hệ số 2. Sau đó làm tròn đến 1 số lẻ.

2/ Chèn thêm 3 cột: **TB CHUNG**, **VỊ THỨ**, **XẾP LOẠI** bên phải cột **ĐIỂM KHU VỰC**.

3/ **ĐIỂM KHU VỰC** dựa vào cột **KHU VỰC** và **BẢNG ĐIỂM KHU VỰC**

4/ **TB CHUNG** = **TRUNG BÌNH** + **ĐIỂM KHU VỰC**; Nhưng nếu sau khi cộng **TRUNG BÌNH** và **ĐIỂM KHU VỰC** mà lớn hơn 10, thì chỉ lấy 10 thôi. Ngược lại **TRUNG BÌNH** + **ĐIỂM KHU VỰC**.

5/ **VỊ THỨ**: Dùng hàm thích hợp xếp **VỊ THỨ** dựa vào cột **TB CHUNG**.

(Lưu ý: Xếp giảm dần theo giá trị cột **TB CHUNG**)

6/ Sắp xếp bảng tính tăng dần theo cột **VỊ THỨ**, nhưng nếu trùng **VỊ THỨ** thì sắp xếp giảm dần theo cột **ĐIỂM KHU VỰC**.

7/ **CAO NHẤT**, **THẤP NHẤT** từ cột **TOÁN** đến cột **TRUNG BÌNH**.

8/ **XẾP LOẠI** được tính như sau:

- Nếu điểm **TB CHUNG** từ 8,0 trở lên thì xếp loại **Giỏi**;
- Nếu điểm **TB CHUNG** từ 6,5 đến 7,9 thì xếp loại **Khá**;
- Nếu điểm **TB CHUNG** từ 5,0 đến 6,4 thì xếp loại **T.Bình**;
- Nếu điểm **TB CHUNG** nhỏ hơn 5,0 thì xếp loại **Yếu**;

9/ **HỌC BỔNG** được tính như sau: Nếu điểm **TB CHUNG** từ 9,0 trở lên và không có môn nào dưới 8,0 thì ghi "**Học bổng**", các trường hợp còn lại thì để trống.

10/ Lập công thức để tính **BẢNG THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG**.

BÀI 2: Tạo bảng tính theo mẫu sau:

KẾT QUẢ TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

MÃ HS	NGÀNH HỌC	PHÁI	KHU VỰC	ĐIỂM MÔN THI			XẾP LOẠI
				TOÁN	LÝ	HÓA	
DC011			1	9,0	7,0	8,0	
DC112			1	8,0	6,0	8,0	
KT023			2	6,0	5,5	3,0	
MT024			2	4,0	8,0	4,0	
KT135			3	4,0	9,0	6,0	
KT016			1	10,0	8,0	9,0	
DL027			2	6,5	4,0	3,0	
ĐIỂM CAO NHẤT							
ĐIỂM THẤP NHẤT							

BẢNG ĐIỂM CHUẨN

MÃ NGÀNH	NGÀNH HỌC	ĐIỂM CHUẨN
KT	Kế toán	20
DC	Địa chất	21
MT	Môi trường	23
DL	Du lịch	19

BẢNG THỐNG KÊ

Số lượng học sinh có kết quả "Đậu"	
Số lượng học sinh có kết quả "Hồng"	

☞ **Yêu cầu tính toán:**

1/ Chèn thêm các cột: **ĐIỂM ƯU TIÊN**, **ĐIỂM KẾT QUẢ**, **ĐIỂM CHUẨN**, **KẾT QUẢ** bên trái cột **XẾP LOẠI**.

2/ Cột **PHÁI**: nếu ký tự thứ 3 của **MÃ HS** là "0" thì ghi là "Nữ"; ngược lại ghi là "Nam"

3/ Cột **ĐIỂM ƯU TIÊN**:

- Nếu **KHU VỰC** = 1 thì **ĐIỂM ƯU TIÊN** = 0,5

- Nếu **KHU VỰC** = 2 thì **ĐIỂM ƯU TIÊN** = 1,0

- Nếu **KHU VỰC** = 3 thì **ĐIỂM ƯU TIÊN** = 1,5

4/ Cột **ĐIỂM KẾT QUẢ** = **ĐIỂM TOÁN** + **ĐIỂM LÝ** + **ĐIỂM HÓA** + **ĐIỂM ƯU TIÊN**

5/ Cột **NGÀNH HỌC**: dựa vào 2 ký tự đầu của **MÃ HS** và tra trong **BẢNG ĐIỂM CHUẨN**

6/ Cột **ĐIỂM CHUẨN**: dựa vào 2 ký tự đầu của **MÃ HS** và tra trong **BẢNG ĐIỂM CHUẨN**

7/ Cột **KẾT QUẢ**: nếu **ĐIỂM KẾT QUẢ** \geq **ĐIỂM CHUẨN** và không có môn nào dưới 2 điểm thì kết quả là "Đậu"; ngược lại thì kết quả là "Hồng"

8/ Cột **XẾP LOẠI** như sau: (Chỉ **XẾP LOẠI** cho những học sinh có **KẾT QUẢ** = "Đậu").

- **XẾP LOẠI** = "Giỏi" nếu **ĐIỂM KẾT QUẢ** lớn hơn hoặc bằng 24 và không có môn nào dưới 7,0 ; Ngược lại, **XẾP LOẠI** = "Khá" nếu **ĐIỂM KẾT QUẢ** lớn hơn hoặc bằng 19,5 và không có môn nào dưới 5,0 ; Ngược lại, **XẾP LOẠI** = "Trung bình".

9/ Tính **ĐIỂM THẤP NHẤT**, **ĐIỂM CAO NHẤT** cho các cột **TOÁN**, **LÝ**, **HÓA**.

10/ Đếm số lượng học sinh có kết quả "Đậu"; "Hồng" ở **BẢNG THỐNG KÊ**.

BÀI 3: Tạo bảng tính theo mẫu sau:

**BẢNG ĐIỂM THI ĐẠI HỌC QUỐC GIA TPHCM
NĂM HỌC 2017-2018**

SBD	HỌ VÀ TÊN	PHÁI	NĂM SINH	ĐIỂM MÔN THI				VỊ THỨ	HỌC BỔNG
				Toán	Lý	Hóa	Sinh		
A012	Nguyễn Thị Lan		1996	9,0	9,5	9,0			
B112	Dương Minh Tuấn		1997	8,0		7,0	7,0		
B120	Chế Viễn Phương		1997	9,0		9,0	9,0		
A034	Trần Thu Vân		1995	9,0	8,0	9,0			
B010	La Diễm Quỳnh		1998	3,0		4,0	10,0		
A132	Sử Thành An		1997	6,0	5,0	5,0			
A102	Nguyễn Duy		1995	6,0	5,0	3,0			

BẢNG ĐIỂM HẠNH KIỂM:

Kí tự đầu SBD	Điểm hạnh kiểm
A	1,0
B	0,5

BẢNG THỐNG KÊ:

Tổng số lượng học sinh có “Học bổng”	
Số lượng học sinh “Nam”	

☞ **Yêu cầu tính toán:**

1/ **Chèn thêm các cột:** KHỐI THI, ĐIỂM TB, ĐIỂM HẠNH KIỂM, ĐIỂM KQ, bên trái cột VỊ THỨ.

2/ **KHỐI THI:** Là kí tự đầu của SBD

3/ **PHÁI:** Nếu kí tự thứ 2 của SBD là “0” thì ghi là “Nữ”; ngược ghi là “Nam”.

4/ **ĐIỂM TB** được tính: Nếu học sinh thi khối A, thì $ĐIỂM TB = (Toán * 2 + Lý + Hóa) / 4$, ngược lại học sinh thi khối B thì $ĐIỂM TB = (Toán + Hóa + Sinh * 2) / 4$. Sau đó làm tròn đến 1 số lẻ.

5/ **ĐIỂM HẠNH KIỂM** được tính như sau: Dựa vào kí đầu của SBD dò tìm trong **BẢNG ĐIỂM HẠNH KIỂM**

6/ **ĐIỂM KQ** = **ĐIỂM TB** + **ĐIỂM HẠNH KIỂM**; Nhưng nếu **ĐIỂM TB** + **ĐIỂM HẠNH KIỂM** > 10, thì lấy 10 thôi. Ngược lại bằng **ĐIỂM TB** + **ĐIỂM HẠNH KIỂM**.

7/ **VỊ THỨ:** Dùng hàm thích hợp xếp **VỊ THỨ** dựa vào cột **ĐIỂM KQ**.

(Lưu ý: Xếp giảm dần theo giá trị cột **ĐIỂM KQ**)

8/ **HỌC BỔNG** dựa vào điều kiện như sau: Nếu **VỊ THỨ** từ 1 đến 3 và **NĂM SINH** >= 1996 thì được ghi chú “Học bổng” còn lại để trống.

9/ Lập công thức để tính **BẢNG THỐNG KÊ**.

CHUYÊN MÔN

TỔ TRƯỞNG

GIÁO VIÊN

Hán Hùng Anh

Lê Thị Tuyết Trinh

Nguyễn Đình Chiến